

Số: /2026/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và Nghị định số 16/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2742/TTr-SGDĐT ngày 10 tháng 6 năm 2026, ý kiến thống nhất của các thành viên UBND thành phố (theo Công văn số 5940/VP-KGVX ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Văn phòng UBND thành phố) và thống nhất của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND thành phố tại Công văn số 2781-CV/ĐU ngày 29 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với các ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp thực hiện đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với 28 nghề đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

1. *Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Công nghệ ô tô (460 giờ), chi tiết tại Phụ lục I.*
2. *Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Điện công nghiệp (420 giờ), chi tiết tại Phụ lục II.*
3. *Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Điện công nghiệp (400 giờ), chi tiết tại Phụ lục III.*
4. *Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Điện dân dụng (435 giờ), chi tiết tại Phụ lục IV.*
5. *Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Điện dân dụng (300 giờ), chi tiết tại Phụ lục V.*
6. *Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Điện lạnh (440 giờ), chi tiết tại Phụ lục VI.*
7. *Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Hàn (360 giờ), chi tiết tại Phụ lục VII.*
8. *Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Công nghệ thông tin (330 giờ), chi tiết tại Phụ lục VIII.*
9. *Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Quản trị mạng máy tính (300 giờ), chi tiết tại Phụ lục IX.*
10. *Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Sửa chữa máy vi tính (330 giờ), chi tiết tại Phụ lục X.*
11. *Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Vận hành máy thi công nền (360 giờ), chi tiết tại Phụ lục XI.*
12. *Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Kỹ thuật xây dựng (360 giờ), chi tiết tại Phụ lục XII.*
13. *Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Nghiệp vụ lễ tân (420 giờ), chi tiết tại Phụ lục XIII.*

14. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Nghiệp vụ nhà hàng (315 giờ), chi tiết tại Phụ lục XIV.

15. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Nghiệp vụ buồng (330 giờ), chi tiết tại Phụ lục XV.

16. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Nghiệp vụ Bartender (330 giờ), chi tiết tại Phụ lục XVI.

17. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Kỹ thuật chế biến món ăn Âu (555 giờ), chi tiết tại Phụ lục XVII.

18. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Kỹ thuật chế biến món ăn Á (555 giờ), chi tiết tại Phụ lục XVIII.

19. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Kỹ thuật chế biến bánh và món ăn tráng miệng (495 giờ), chi tiết tại Phụ lục XIX.

20. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề An ninh khách sạn (555 giờ), chi tiết tại Phụ lục XX.

21. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Kinh doanh vận tải đường bộ (360 giờ), chi tiết tại Phụ lục XXI.

22. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Cắt gọt kim loại (300 giờ), chi tiết tại Phụ lục XXII.

23. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Kỹ thuật pha chế đồ uống (300 giờ), chi tiết tại Phụ lục XXIII.

24. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề May công nghiệp (300 giờ), chi tiết tại Phụ lục XXIV.

25. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Kỹ thuật pha chế đồ uống (150 giờ), chi tiết tại Phụ lục XXV.

26. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Nuôi và phòng trị bệnh cho gà (291 giờ), chi tiết tại Phụ lục XXVI.

27. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Trồng rau hữu cơ, trồng rau an toàn (208 giờ), chi tiết tại Phụ lục XXVII.

28. Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Kỹ thuật trồng hoa (240 giờ), chi tiết tại Phụ lục XXVIII.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế các văn bản sau:

a) Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

b) Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

c) Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo trình độ sơ cấp đối với 05 nghề và đào tạo dưới 03 tháng đối với 04 nghề áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- BTV ĐU UBND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- UBMTTQVN và các TC CT-XH thành phố;
- Phòng XD&KTVB QPPL - Sở Tư pháp;
- Báo và PTTH Đà Nẵng;
- Cổng TTĐT thành phố, Công báo thành phố;
- CPVP, P.KGVX, NC;
- Lưu: VT, SGDĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Tuấn